

Số: 902 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

**Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm Quý III
và phương hướng thực hiện Quý IV năm 2018**

Thực hiện Công văn số 270-CV/TU ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Tỉnh ủy Tây Ninh về việc tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm Quý III và phương hướng thực hiện Quý IV năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần I

CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình dịch bệnh

- Trong 08 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 07 bệnh truyền nhiễm có số trường hợp mắc tăng, có 09 bệnh có số mắc giảm so với cùng kỳ năm 2017 và các bệnh còn lại không tăng không giảm. Trong đó đáng lưu ý là có 1 ca tử vong do cúm A/H1N1 (Hòa Thành), tỉnh đã phối hợp với Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra và chỉ đạo Trung tâm y tế huyện Hòa Thành tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý môi trường, tuyên truyền về vệ sinh cá nhân và phòng bệnh lây truyền qua đường hô hấp cho gia đình bệnh nhân và các hộ gia đình xung quanh.

- Ghi nhận có 2 trường hợp tử vong do tay chân miệng trên địa bàn tỉnh, 1 trường hợp tại Xã An Cơ, huyện Châu Thành và 1 trường hợp tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu. Đã tổ chức xử lý dịch bệnh tại 2 điểm: phun thuốc tại nhà của bệnh nhân và trong vòng bán kính 200m và tại trường học nơi bé học: cấp cloramin B cho hộ gia đình và các nhà lân cận, nhà trường, cấp tờ rơi và hướng dẫn nhà trường công tác phòng chống dịch. Giám sát côn trùng tại hộ gia đình bệnh nhân và các hộ trong vòng bán kính 200m.

- Ghi nhận 02 ca tử vong do bệnh dại. Cả 02 trường hợp đều không tiêm ngừa vắc xin/huyết thanh kháng dại ngay sau khi bị phơi nhiễm với vi rút dại; đã tổ chức giám sát, xác minh ca bệnh, xử lý ổ dịch và tuyên truyền người dân về các biện pháp phòng chống bệnh dại.

- Số ca mắc lao phổi, quai bị, dại có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, số ca mắc bệnh uốn ván, viêm gan B, cúm, viêm não Nhật Bản, viêm màng não do não mô cầu tăng so với năm trước. (Phụ lục I)

2. Công tác thông tin truyền thông giáo dục

- Tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng về phòng chống dịch bệnh: 7 cuộc với hơn 200 người tham dự.

- Xe loa tuyên truyền lưu động: 07 chuyến; phòng chống sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, tăng huyết áp...

- Nhân bản đĩa: 369 đĩa.
- Giám sát: 01 đợt.
- Thông tin y tế xuân 900 cuốn; Bản tin sức khỏe 1.000 cuốn.
- Đưa 15 tin hoạt động của ngành y tế.
- Thực hiện 06 phóng sự trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.
- Phát sóng thông điệp truyền thông phòng chống tác hại thuốc lá: 02 TV Sport (cấm hút thuốc lá nơi làm việc, cấm hút thuốc lá trong trường học), số lượng: 20 lần.
- Sản xuất biển mica cấm hút thuốc cấp cho các đơn vị trong và ngoài ngành, số lượng: 2000 tấm.
- Tổ chức lễ mít tinh điều hành hưởng ứng ngày Thế giới không thuốc lá 31/5 và Tuần lễ quốc gia không thuốc lá (25-31/5/2018) tại Trung tâm thi đấu thể thao tỉnh.

3. Công tác xử lý ổ dịch

- Sốt xuất huyết: phát hiện 590 ổ dịch, đã xử lý 590 ổ dịch, đạt tỷ lệ: 100%.
- Tay chân miệng: phát hiện 14 ổ dịch, đã xử lý 14 ổ dịch, đạt tỷ lệ: 100%.
- Dại: phát hiện 02 ổ dịch, đã xử lý 02 ổ dịch, đạt tỷ lệ: 100%.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tổ chức giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh và an toàn tiêm chủng tại 09 huyện, thành phố và 95 xã, phường, thị trấn.
- Giám sát côn trùng thường xuyên hằng tháng, giám sát trọng điểm.
- Tiến hành điều tra, xử lý 1 ca tử vong do cúm A/H1N1 (Hòa Thành), cụ thể như sau: Xử lý môi trường bằng Cloramin B trong suốt tang lễ. Cấp Cloramin B cho người nhà bệnh nhân và 07 nhà xung quanh, mỗi nhà 02 kg, hướng dẫn người nhà cách sử dụng sát khuẩn nền nhà, vật dụng trong nhà 07 ngày liên tục. Tuyên truyền về vệ sinh cá nhân và phòng bệnh lây truyền qua đường hô hấp cho gia đình bệnh nhân và 30 hộ gia đình xung quanh, cấp phát 50 tranh tuyên truyền về phòng chống bệnh cúm.
- Giám sát bệnh tay chân miệng tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Tây Ninh.
- Chế độ khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 28/12/2015.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, đặc biệt chú trọng giám sát các địa bàn, nơi có điểm nóng bệnh truyền nhiễm sốt xuất huyết - Zika, tay chân miệng, thủy đậu, quai bị...; hướng dẫn, đôn đốc tuyến dưới thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh.
- Hằng ngày, các đơn vị Y tế hệ dự phòng phối hợp với các bệnh viện, các cơ sở khám, chữa bệnh các tuyến nắm bắt kịp thời tình hình bệnh truyền nhiễm, xử lý kịp thời khi phát hiện ca bệnh, ổ dịch.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm tại 09 huyện, thành phố và 95 xã, phường, thị trấn nhằm báo cáo kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm.

II. ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Y tế, sự phối hợp kịp thời của các Viện đầu ngành: Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Y Tế công cộng TP.HCM...

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã sớm ban hành kế hoạch phòng, chống dịch bệnh của tỉnh, trong đó chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh. Trong năm, tùy theo tình hình dịch bệnh, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn, đồng thời bổ sung kịp thời kinh phí cho công tác phòng chống dịch bệnh.

- Thành lập nhiều đoàn kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tuyến huyện, xã và đến tận hộ gia đình.

- Sự phối hợp tích cực của các sở, ban, ngành, đoàn thể như: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan truyền thông: Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Tây Ninh, đài phát thanh huyện, thành phố, loa phát thanh xã, phường trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

2. Khó khăn

- Điều kiện môi trường: Sự biến đổi của khí hậu, sự biến động dân cư, ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá tạo điều kiện cho côn trùng phát triển gây bệnh.

- Chính quyền địa phương đặc biệt là UBND xã/phường/thị trấn một số nơi chưa chủ động trong công tác chỉ đạo, phối hợp các ban ngành đoàn thể trong công tác vận động nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường, xử lý rác thải.. vẫn còn nhiều gia đình chưa tự giác diệt lăng quăng phòng chống sốt xuất huyết.

- Nhận thức của một số người dân về lợi ích của việc sử dụng vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm còn hạn chế, chưa tự giác đưa con em đến trạm y tế xã/ phường thực hiện chủng ngừa vắc xin miễn phí để phòng bệnh truyền nhiễm trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng (lao, bại liệt, bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm màng não mủ do vi khuẩn Infuenza typB(Hib), sởi, rubella, viêm não nhật bản).

- Đặc thù của tỉnh Tây Ninh là có đường biên giới giáp Campuchia dài 240km, có 02 cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu quốc gia, có nhiều đường mòn lối mở qua biên giới, do đó rất khó kiểm soát các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ xâm nhập qua cửa khẩu.

- Cán bộ làm nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh còn thiếu đặc biệt là đội ngũ bác sỹ công tác hệ y tế dự phòng. Chuyên trách tuyến huyện, thành phố và tuyến xã, phường, thị trấn thường xuyên thay đổi là một khó khăn không nhỏ cho các chương trình phòng, chống bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2018

1. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh và các đơn vị chuyên môn đầu ngành tuyến trên trong công tác phòng, chống dịch bệnh.
2. Tăng cường công tác thông tin giáo dục truyền thông về nguy cơ, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm và truyền thông nâng cao sức khỏe tại cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân, chú trọng những nơi có nguy cơ cao, nơi tập trung đông người. Đa dạng hoá các hình thức truyền thông, vận động nhân dân đi tiêm phòng vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây dịch.
3. Tổ chức các chiến dịch vệ sinh môi trường, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân.
4. Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm xâm nhập vào tỉnh ta qua các cửa khẩu quốc tế đối với các bệnh như Cúm A(H5N1), cúm A(H7N9), Ebola, MERS – CoV và các bệnh truyền nhiễm mới nổi khác. Đồng thời phát hiện sớm và xử lý kịp thời, giảm số mắc và tử vong một số bệnh dịch nguy hiểm đã lưu hành trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua: Bệnh cúm A(H5N1); tay chân miệng; tả; tiêu chảy; đại; sốt xuất huyết, Zika, sốt rét. Không chểnh mảng, không để dịch bệnh bùng phát lan rộng đối với một số các bệnh có nguy cơ bùng phát và quay trở lại như: bệnh do não mô cầu, viêm não Nhật Bản, viêm gan vi rút, sởi, thương hàn, rota vi rút, thủy đậu, quai bị, bệnh liên cầu lợn ở người, bại liệt...
5. Giám sát xử lý ổ dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm tại các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.
6. Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ làm công tác phòng, chống dịch về giám sát, phát hiện ca bệnh, xử lý dịch; công tác khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm và kỹ năng truyền thông phòng, chống dịch bệnh cho cộng đồng; công tác chẩn đoán và điều trị bệnh nhân.
7. Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành trong triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, kiểm tra, giám sát các hoạt động tại địa phương.
8. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc, hoá chất, vật tư, trang thiết bị cần thiết cho công tác phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh nhân. Đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ tham gia chống dịch bệnh: phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp chống dịch, trực dịch,....

Phần II

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý

- Tổng số cơ sở thực phẩm quản lý trên địa bàn tỉnh: 14.361 cơ sở.
- + Số cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm: 1.261 cơ sở.
- + Số cơ sở kinh doanh thực phẩm: 6.446 cơ sở.

- + Số cơ sở dịch vụ ăn uống: 2.642 cơ sở.
- + Bếp ăn tập thể: 575 cơ sở.
- + Thức ăn đường phố: 3.128 cơ sở.
- Trang trại chăn nuôi: 253 trang trại.
- Cơ sở giết mổ: 56 cơ sở.
- Số cơ sở thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm: 3.414 cơ sở (Y tế: 293 cơ sở; Công Thương: 195 cơ sở; ngành Nông nghiệp: 2.926 cơ sở).
- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 341 giấy (ngành Y tế: cấp 274 giấy; ngành Nông nghiệp 40 giấy, ngành Công Thương: 27 giấy).
- Tiếp nhận hồ sơ tự công bố cho 131 sản phẩm/214 cơ sở.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm (Phụ lục II)

- Tổ chức 01 Lễ phát động Tháng hành động vì an toàn thực phẩm với 1.253 người tham dự.
- Nói chuyện chuyên đề: 55 buổi với 6.198 người tham dự.
- Viết 45 bài, tin đăng Cổng thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm, các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh.
- Tổ chức xác nhận và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho 5.556 người (ngành Y tế: 4.705 người; ngành Công Thương: 328 người, ngành Nông nghiệp: 523 người).
- Phát thanh: 1.263 tin bài, phóng sự với 524.568 lượt trên sóng phát thanh của Đài truyền thanh 09/09 huyện/thành phố.
- Truyền hình: thực hiện 212 chuyên mục và tin, bài, phóng sự phát trên Đài phát thanh và truyền hình Tây Ninh.
- Băng rol, khẩu hiệu: 572 cái.
- Tờ gấp: 85.070 tờ.
- Băng đĩa hình: 10 cái.
- Băng đĩa âm: 695 cái.
- Xe loa tuyên truyền toàn tỉnh: 107 lượt.
- Thực hiện 02 cuộc tọa đàm vai trò của các tổ chức Chính trị xã hội trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, Sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Thực hiện 04 chuyên mục về: Vai trò của người tiêu dùng trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; An toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm; Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Mít tại huyện Gò Dầu; Hướng dẫn chăm sóc, bón phân cây bưởi sau thu hoạch tại huyện Hòa Thành.
- Tổ chức 10 lớp tập huấn tuyên truyền an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 cho 429 người tham dự trên địa bàn 09 huyện, thành phố.

- Tập huấn và bàn giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp cho UBND cấp huyện theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017.

- Tổ chức 26 lớp tập huấn (trong đó: 07 lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất rau, quả VietGAP; 19 lớp tập huấn cho nông dân về một số dịch hại phổ biến trên các loại cây trồng).

3. Tình hình thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm (Phụ lục III)

- Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra: 229 đoàn. Trong đó: tuyến tỉnh: 19 đoàn; tuyến huyện: 20 đoàn; tuyến xã: 190 đoàn.

- Số cơ sở được thanh, kiểm tra: 4.147 cơ sở. Trong đó:

+ Cơ sở sơ chế, sản xuất thực phẩm: 515 cơ sở, đạt 262 cơ sở chiếm 51%;

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.727 cơ sở, đạt 1.491 cơ sở chiếm 86.8%;

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 1.905 cơ sở, đạt 1.492 cơ sở chiếm 78.3%

- Số cơ sở vi phạm: 902 cơ sở chiếm tỉ lệ 20.6% số cơ sở được thanh tra, kiểm tra. (Phụ lục IV)

+ Số cơ sở bị nhắc nhở: 589 cơ sở.

+ Số cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính 313 cơ sở, có 305 cơ sở chấp hành với tổng số tiền phạt là 1.768.505.000 đồng.

4. Công tác giám sát và tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn

a) Công tác giám sát

- Ngành Nông nghiệp: thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trên thủy sản nuôi, tiến hành lấy 05 mẫu cá tra thương phẩm và 01 mẫu cá tra nhỏ. Kết quả: 05 mẫu cá tra thương phẩm đạt 01 mẫu cá tra nhỏ chưa có kết quả. Thực hiện thu mẫu giám sát thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2018, lấy 70 mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản tại 45 quầy, sạp kinh doanh của 11 chợ trên địa bàn các huyện Hòa Thành, Gò Dầu và thành phố Tây Ninh. Kết quả: 69/70 mẫu đạt, 01/70 mẫu không đạt (01 mẫu bó sỏ có chứa hàn the) đã thông báo về chính quyền địa phương đề nghị khắc phục.

- Ngành Y tế: thực hiện kế hoạch lấy mẫu giám sát mối nguy trên địa bàn tỉnh (đã thực hiện lấy 70 mẫu thực phẩm). Thực hiện lấy mẫu giám sát mối nguy về an toàn thực phẩm trên bàn ăn cho các Hội nghị, cuộc họp quan trọng và các lễ hội tiền quân năm 2018 với tổng số 8.840 suất ăn.

b) Tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn

Trong quý III/2018, tỉnh Tây Ninh không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

5. Công tác xét nghiệm (Phụ lục V)

- Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

+ Thực hiện các test nhanh an toàn thực phẩm: 487 mẫu. Kết quả có: 429 mẫu đạt, không đạt: 58 mẫu.

+ Xét nghiệm tại labo:

* Hóa lý: 147 mẫu, đạt 88 mẫu, không đạt: 59 mẫu.

* Vi sinh: 63 mẫu, đạt 49 mẫu, không đạt: 14 mẫu.

6. Hoạt động cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP

Trong 9 tháng đầu năm 2018 cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 341 giấy (ngành Y tế: cấp 274 giấy; ngành Nông nghiệp 40 giấy, ngành Công Thương: 27 giấy).

- Tiếp nhận hồ sơ tự công bố cho 131 sản phẩm/214 cơ sở.

7. Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình phối hợp giám sát và vận động thực hiện an toàn thực phẩm theo Chương trình phối hợp số 90

Thực hiện Chương trình phối hợp Số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020; UBND tỉnh Tây Ninh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh xây dựng Kế hoạch phối hợp số 2812/KHPH/UBND-UBMTTQVN ngày 04 tháng 10 năm 2016 về việc vận động và giám sát bảo đảm An toàn thực phẩm giai đoạn 2016 – 2020. Trong đó, đã đưa nội dung đảm bảo an toàn thực phẩm vào tiêu chí đánh giá, xếp loại ấp/khu phố văn hóa, tổ dân cư tự quản và bình xét gia đình văn hóa. Trong năm 2016, UBND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ban hành Kế hoạch số 3329/KHPH/UBND-UBMTTQVN ngày 23/11/2016 về vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2016 – 2017; UBND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh vừa tiến hành sơ kết 02 năm thực hiện Kế hoạch số 3329/KHPH/UBND-UBMTTQVN. Tỉnh đang xây dựng kế hoạch phối hợp vận động giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm giai đoạn 2018-2020.

8. Tình hình xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất nông sản thực phẩm an toàn

Trong 8 tháng đầu năm 2018, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh tiếp tục xúc tiến xây dựng chuỗi nông sản thực phẩm an toàn và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Thành lập 01 tổ liên kết chăn nuôi gà ta tại xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu với quy mô 7.000 con gà/7 hộ; 01 cửa hàng rau an toàn tại xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành.

- Thực hiện mô hình trình diễn giống, kỹ thuật nuôi gà ta (gà lông màu) thương phẩm theo hướng VietGAP với quy mô 6.000 con (500 con/hộ) tại 04 huyện Gò Dầu, Bến Cầu, Trảng Bàng, Tân Châu.

- Xây dựng 03 điểm mô hình trồng rau công nghệ cao áp dụng hệ thống bón phân, tưới nước tự động, quy mô 600m² đã hoàn thành việc xây dựng và đang đưa vào hoạt động sản xuất.

- Xây dựng mô hình trình diễn giống - kỹ thuật canh tác rau an toàn: Khoai môn (Hòa Thành), cải ăn lá các loại (Châu Thành), rau thơm- rau gia vị (Trảng Bàng).

- Phối hợp với Trung tâm Cây ăn quả Miền Đông chuẩn bị công tác tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, hội thảo tuyên truyền nhân rộng mô hình; Công ty TNHH nông nghiệp xanh và xanh trình diễn 08 mô hình hỗ trợ phân hữu cơ vi sinh trên cây bưởi, măng cầu, xoài tại các huyện Tân Biên, Tân Châu, Bến Cầu, Gò Dầu, Hòa Thành và Trảng Bàng; đang liên hệ phối hợp Viện Công nghệ sau thu hoạch để xây dựng quy trình sơ chế bảo quản rau an toàn.

- Mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ trên cây ăn quả, chăn nuôi giá trị cao: Phối hợp với nông dân thực hiện ít nhất 40 mô hình trên cây ăn quả trên địa bàn 09 huyện, thành phố.

- Tư vấn, hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình VietGAP và thành lập các tổ liên kết tại các vùng sản xuất rau để chứng nhận VietGAP, làm cơ sở kết nối với các doanh nghiệp đầu tư và bao tiêu sản phẩm.

9. Kinh phí bố trí cho công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm

Tổng kinh phí thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm là 1.566.970.000 đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: 1.565.000.000 đồng.

+ Ngành Nông nghiệp: 270.000.000 đồng (cả năm).

+ Ngành Công Thương: 95.000.000 đồng (cả năm).

+ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm: 1.200.000.000 đồng (cả năm). Trong đó: 800.000.000 đồng UBND tỉnh cấp, 400.000.000 đồng Trung ương cấp.

- Cấp huyện: 134.556.610 đồng.

- Cấp xã: 69.304.000 đồng.

- Kinh phí bố trí cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm theo Nghị quyết số 27/2016/QH: kinh phí từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính các đơn vị nộp trực tiếp vào nguồn ngân sách nhà nước và được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các ngành hoạt động vào đầu năm.

10. Tình hình, kết quả phòng, chống buôn lậu thực phẩm, thực phẩm giả, không bảo đảm an toàn

Số vụ vi phạm là 87 vụ: kinh doanh hàng cấm: 08 vụ; Không đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất: 24 vụ; Không có thiết bị, biện pháp phòng chống động vật gây hại: 09 vụ; Kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ: 02 vụ; Không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 04 vụ; Không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 07 vụ; Không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm: 09 vụ; Sử dụng giấy khám sức khỏe quá thời hạn: 10 vụ; Không lưu mẫu thức ăn theo quy định: 01 vụ; Kinh doanh rượu không có giấy phép: 05 vụ; Kinh doanh thực phẩm quá hạn sử dụng: 03 vụ; Sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc: 01 vụ; Sử dụng phụ gia hết hạn sử dụng: 01 vụ; Kinh doanh đông được bao bì không còn nguyên vẹn: 01 vụ; Không lưu mẫu thức ăn: 01 vụ.

Tổng số tiền phạt là 423.275.000 đồng. Tịch thu: 35 hộp sữa Fami 125ml/hộp, 03 hộp sữa Vinasoy 200ml/hộp, 38 hộp sữa các loại 180ml/hộp, 06 bịch bánh bông lan bơ Gastos 30gram/bịch, 08 gói hủ tiếu, 06 ly mì Gấu đỏ, 360 gói thuốc lá.

II. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN QUÝ IV/2018

1. Triển khai thực hiện kế hoạch hậu kiểm an toàn thực phẩm và thực hiện thanh tra chuyên ngành các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh suất ăn công nghiệp, bếp ăn tập thể.

2. Ban hành Kế hoạch phối hợp và vận động giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2018 – 2020.

3. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Dương lịch năm 2019.

4. Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật: kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y; các vùng trồng rau trọng điểm trong tỉnh; hợp tác xã, tổ sản xuất rau an toàn, các hộ sản xuất rau, quả tại các vùng trồng rau trọng điểm; lấy mẫu rau, quả kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm, hoàn thành các chuyên mục và tọa đàm theo kế hoạch.

6. Thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định và cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm Quý III, phương hướng thực hiện Quý IV năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: Y tế, Công Thương, NN&PTNT;
- LĐ VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT VP. UBND tỉnh.

(BC ATTP và PC dịch bệnh Quý II.2018)Dg

lv

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc



PHỤ LỤC I

Tình hình dịch bệnh Quý III năm 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 302/BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018)

Tên bệnh	8 tháng đầu năm 2017	8 tháng đầu năm 2018	So sánh
Bạch hầu	00	00	Không tăng không giảm
Bại liệt	00	00	Không tăng không giảm
Liên cầu lợn ở người	00	00	Không tăng không giảm
Cúm A(H5N1)	00	00	Không tăng không giảm
Cúm A(H7N9)	00	00	Không tăng không giảm
Dại	02/02 (chết tại huyện Tân Biên, Bến Cầu)	02/02 (chết tại huyện Châu Thành, Tân Châu)	Không tăng không giảm
Dịch hạch	00	00	Không tăng không giảm
Ebola	00	00	Không tăng không giảm
Ho gà	02	02	Không tăng không giảm
Lao phổi	296		Năm 2018 không báo cáo
Latsa	00	00	Không tăng không giảm
Liệt mềm cấp nghi bại liệt	00	00	Không tăng không giảm
Macbot	00	00	Không tăng không giảm
Rubella	02	00	Giảm 02 ca
Sởi	15	15	Không tăng không giảm
Sốt rét	15	37	Tăng 22 ca
Sốt Tây Sông Nin	00	00	Không tăng không giảm
Sốt vàng	00	00	Không tăng không giảm
Sốt xuất huyết	1.243	1.094	Giảm 149 ca, giảm 11.99%
Tả	00	00	Không tăng không giảm
Tay chân miệng	1108	773/2 (chết tại huyện Châu Thành, Tân Châu)	Tăng 2 ca chết
Than	00	00	Không tăng không giảm
Thương hàn	00	01	Tăng 1 ca
Uốn ván khác	05	14	Tăng 9 ca
Uốn ván sơ sinh	01	00	Giảm 01 ca
Viêm đường hô hấp	00	00	Không tăng không giảm

trung đông			
Viêm gan A	01	1	Không tăng không giảm
Viêm Gan B	100	184	Tăng 84 ca
Viên Gan C	18	9	Giảm 9 ca
Viên não vi rút khác	04	00	Giảm 4 ca
Xoắn khuẩn vàng da	00	00	Không tăng không giảm
Zika	00	00	Không tăng không giảm
Bệnh do virus Adeno	00	00	Không tăng không giảm
Cúm	383	575	Tăng 50 %
Quai bị	136	79	Giảm 42%
Ly trực trùng	35	39	Tăng 4 ca (tăng 11%)
Ly Amip	115	78	Giảm 32 %
Thủy đậu	131	189	Tăng 44.2%
Tiêu chảy	596	587	Giảm 9 ca

PHỤ LỤC II

Tuyên truyền giáo dục về an toàn thực phẩm 8 tháng đầu năm 2018
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 02 /BC-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018)

Nội dung hoạt động	8 tháng đầu năm 2017	8 tháng đầu năm 2018
Lễ phát động	17 buổi/1.727 người	07 buổi/1.253 người
Nói chuyện, tọa đàm	22 buổi/648 người	55 buổi/6.198 người
Xác nhận kiến thức	362 buổi/1.988 người	5.556 người
Hội thảo	03 buổi/120 người	00
Phát thanh	8.429 lượt	542.568 lượt
Truyền hình	145 chuyên mục và tin bài	212 chuyên mục và tin bài
Báo viết	21 tin, bài	35 tin, bài
Sản phẩm truyền thông		
Băng rol, khẩu hiệu	483 cái	572 cái
Áp phích	20 tờ	00
Tờ gấp, tờ rơi	76.000 tờ	85.070 tờ
Băng đĩa hình	09 đĩa	10 đĩa
Băng đĩa âm	393 đĩa	695 đĩa
Tuyên truyền xe loa	120 lượt	107 lượt

PHỤ LỤC III

Công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm 8 tháng đầu năm 2018
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 302 /BC-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018)

Cơ sở	8 tháng đầu năm 2017	8 tháng đầu năm 2018
Tổng số cơ sở	7.714 cơ sở	14.361 cơ sở
Sơ chế, sản xuất, chế biến thực phẩm	1.103 cơ sở	1.261 cơ sở
Kinh doanh thực phẩm	1.874 cơ sở	6.446 cơ sở
Kinh doanh dịch vụ ăn uống	1.000 cơ sở	2.642 cơ sở
Bếp ăn tập thể	293 cơ sở	575 cơ sở
Thức ăn đường phố	3.455 cơ sở	3.128 cơ sở

PHỤ LỤC IV

Các nội dung vi phạm chủ yếu trong thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 302 /BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018)

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	3.663	132	3.6%
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	3.663	145	4%
3	Điều kiện về con người	3.663	518	14.14%
4	Công bố sản phẩm	3.663	34	0.93%
5	Ghi nhãn thực phẩm	3.663	44	1.2%
6	Quảng cáo thực phẩm	3.663	00	00
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	3.663	52	1.42%
8	Vi phạm khác: + Giấy đủ điều kiện ATTP + Xét nghiệm sản phẩm định kỳ + Xét nghiệm nguồn nước định kỳ + Lưu mẫu thức ăn + Nguồn gốc nguyên liệu	3.663	74 13 16 20 63	2.02% 0.35% 0.44% 0.55% 1.72%

PHỤ LỤC V

Tình hình xét nghiệm về an toàn thực phẩm 8 tháng đầu năm 2018
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 302 /BC-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018)

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý	147	59	40.14%
1.2	Vi sinh	63	14	22.22%
	Tổng số xét nghiệm tại labo			
2	Xét nghiệm nhanh	487	58	11.91%
3	Cộng	697	131	18.79%